

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày

tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến
toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần
thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Tư pháp,
Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 10/TTr-STP ngày 15 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có giải pháp cụ thể, đẩy mạnh công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền để khuyến khích, thúc đẩy và vận động người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và thông báo tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ cho cá nhân, tổ chức không muộn hơn tám giờ (08 giờ) làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận; chủ động hẹn, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước thời hạn tối đa so với quy định để giảm thời gian chờ đợi kết quả cho người dân, doanh nghiệp.

c) Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về sử dụng Cổng Dịch vụ công quốc gia trong việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết dịch vụ công trực tuyến đúng tiến độ, chất lượng; thực hiện giảm phí, lệ phí đối với hồ sơ nộp trực tuyến theo quy định; đồng thời, rà soát, đề xuất bổ sung danh mục thủ tục hành chính được giảm phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến; thực hiện thanh toán trực tuyến các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

d) Sở Tư pháp thực hiện tích hợp, kiểm thử danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần được công bố tại Quyết định này để đồng bộ, thống nhất và đầy đủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tiếp tục thực hiện việc rà soát, lựa chọn và kiểm thử các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý còn lại của cơ quan để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện cấu trúc lại quy trình thủ tục hành chính để thay đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử theo hướng đơn giản, cắt giảm các bước thực hiện, các thông tin cần khai báo, cung cấp khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Tư pháp, cơ quan liên quan thực hiện đồng bộ, cập nhật công khai, cấu hình quy trình điện tử, biểu mẫu điện tử, chữ ký điện tử và các giải pháp kỹ thuật liên quan để triển khai hiệu quả danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần được công bố tại Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về sử dụng dịch vụ công trực tuyến; truyền thông các mô hình tốt, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả trong triển khai thực hiện.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Phối hợp với cơ quan liên quan đơn đốc, hướng dẫn việc tiếp nhận hồ sơ, xử lý và trả kết quả giải quyết hồ sơ dịch vụ công trực tuyến; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện kiểm thử các thủ tục hành chính để bổ sung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, danh mục dịch vụ công trực tuyến một phần khi có sự thay đổi theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Thay thế Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Tư pháp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 880/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC (x).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Sâm

DANH MỤC
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH, DỊCH VỤ CÔNG
TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mức độ dịch vụ		Thực hiện nghĩa vụ tài chính (phí, lệ phí, thuế, giá, thu tiền; có thì đánh dấu X)
			Toàn trình	Một phần	
TỔNG (A) + (B)			150	32	87
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		118	22	52
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
1	1.003198.H48	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi.	X		X
2	1.003179.000.00.00.H48	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	X		
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				

3	2.000635.000.00.00.H48	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X		X
4	2.002516.000.00.00.H48	Xác nhận thông tin hộ tịch	X		X
III	LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA				
5	1.005464.H48	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	X		
6	3.000024.H48	Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	X		
IV	LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ				
7	2.000587.000.00.00.H48	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	X		
8	2.000518.000.00.00.H48	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	X		
9	2.000596.000.00.00.H48	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		
10	1.001233.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		
11	2.000840.000.00.00.H48	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		

12	2.000954.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	X		
13	2.000829.000.00.00.H48	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	X		
14	2.001680.000.00.00.H48	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	X		
15	2.001687.000.00.00.H48	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	X		
16	2.000977.000.00.00.H48	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	X		
17	2.000970.000.00.00.H48	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	X		
18	2.000592.000.00.00.H48	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	X		
V	LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN				
19	2.001130.H48	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên	X		X

20	1.002681.H48	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán	X		X
21	2.00117.H48	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên	X		X
22	1.008727.H48	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		
23	1.001842.000.00.00.H48	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		X
24	1.001633.000.00.00.H48	Thay đổi tên, địa chỉ trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, người đại diện theo pháp luật, danh sách Quản tài viên hành nghề trong doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	X		
25	1.001600.000.00.00.H48	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	X		
26	1.002626.000.00.00.H48	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân		X	X
VI	LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI				
27	2.000822.H48	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	X		X

28	2.000819.H48	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	X		X
29	1.008886.H48	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X
30	1.001609.H48	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		X
31	1.008888.H48	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	X		
32	1.008889.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X		X
33	1.008906.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	X		X

34	1.008887.H48	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài.	X		
35	1.008885.H48	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài		X	
36	1.008890.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác		X	X
37	1.008904.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		X	X
38	1.008905.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		X	X
39	1.001248.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam		X	

VII	LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI				
40	1.008908.H48	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		
41	1.008914.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	X		
42	2.000515.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	X		
43	1.008916.H48	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	X		
44	1.009283.H48	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	X		

45	2.001716.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	X		
46	1.008915.H48	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập.	X		
47	1.008910.H48	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác		X	
48	1.008907.H48	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại		X	
49	1.008909.H48	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài		X	
50	1.008911.H48	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam		X	
51	1.009284.H48	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc		X	
52	1.008913.H48	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập		X	
VIII	LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI				

53	1.008921.H48	Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài	X		
54	1.008925.H48	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	X		
55	1.008926.H48	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	X		
56	1.008927.H48	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	X		
57	1.008928.H48	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	X		
58	1.008922.H48	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	X		X
59	1.008923.H48	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	X		
60	1.008924.H48	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	X		X
61	1.008929.H48	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	X		X
62	1.008930.H48	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	X		
63	1.008931.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	X		

64	1.008932.H48	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	X		
65	1.008933.H48	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	X		
66	1.008935.H48	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	X		
67	1.008937.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	X		
68	1.008934.H48	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	X		
69	1.008936.H48	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	X		
IX	LĨNH VỰC LUẬT SƯ				
70	1.002032.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	X		X
71	1.002079.000.00.00.H48	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	X		X
72	1.002153.000.00.00.H48	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	X		

73	1.008709.000.00.00.H48	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	X		
74	1.008628.000.00.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	X		X
75	1.008624.000.00.00.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	X		X
76	1.008614.H48	Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư	X		
77	1.002398.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	X		X
78	1.002384.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	X		X
79	1.002368.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X
80	1.002234.000.00.00.H48	Sáp nhập công ty luật	X		
81	1.002218.000.00.00.H48	Hợp nhất công ty luật	X		
82	1.002198.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X

83	1.002181.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	X		X
84	1.002099.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	X		X
85	1.002055.000.00.00.H48	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X		X
86	1.002010.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	X		X
87	1.001928.H48	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	X		
88	1.000828.000.00.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	X		X
89	1.000688.000.00.00.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	X		X
X	LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT				
90	1.000404.000.00.00.H48	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	X		
91	1.000627.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	X		

92	1.000614.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	X		
93	1.000588.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	X		
94	1.000426.000.00.00.H48	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	X		
95	1.000390.000.00.00.H48	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	X		
XI	LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG				
96	1.013859.H48	Cấp Thẻ công chứng viên	X		X
97	1.013856.H48	Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025	X		
98	1.013849.H48	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X		
99	1.013852.H48	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	X		
100	1.013846.H48	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	X		

101	1.013840.H48	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	X		X
102	1.013848.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	X		
103	1.013836.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	X		
104	1.013853.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	X		
105	1.013843.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	X		X
106	1.013832.H48	Thu hồi Thẻ công chứng viên	X		
107	1.013842.H48	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X		
108	1.013837.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	X		X
109	1.013834.H48	Thành lập Văn phòng công chứng	X		
110	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	X		
111	1.013835.H48	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	X		X

112	1.013818.H48	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	X		X
113	1.013830.H48	Cấp lại Thẻ công chứng viên	X		X
114	1.013808.H48	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X		
115	1.013810.H48	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	X		
116	1.013808.H48	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	X		
117	1.013806.H48	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	X		
118	1.013805.H48	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	X		
119	3.000444.H48	Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng	X		
120	1.013807.H48	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	X		
121	1.013804.H48	Bổ nhiệm lại công chứng viên	X		X

122	1.013812.H48	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	X		
123	1.013803.H48	Bổ nhiệm công chứng viên	X		
XII	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP				
124	1.001117.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	X		
125	2.000894.000.00.00.H48	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	X		
126	1.009832.000.00.00.H48	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	X		
XIII	LĨNH VỰC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN				
127	1.013634.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		
128	2.001258.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		X
129	2.001247.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		

130	2.001333.000.00.00.H48	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	X		
131	1.003915.H48	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá		X	X
132	1.000802.H48	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá		X	X
133	2.001395.000.00.00.H48	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản		X	X
134	2.001225.H48	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến		X	
135	2.002139.000.00.00.H48	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá		X	X
XIV	LĨNH VỰC QUỐC TỊCH				
136	2.001895.000.00.00.H48	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam		X	X
137	2.002039.000.00.00.H48	Nhập Quốc tịch Việt Nam		X	X
138	2.002038.000.00.00.H48	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước		X	X
139	2.002036.000.00.00.H48	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước		X	X

140	1.005136.000.00.00.H48	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước		X	X
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		32	10	35
I	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI				
1	2.002349.H48	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	X		
2	2.001255.000.00.00.H48	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	X		
3	2.002363.H48	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		X	
4	1.003005.H48	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.		X	
5	2.001263.000.00.00.H48	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước		X	
II	LĨNH VỰC HỘ TỊCH				
6	2.000635.000.00.00.H48	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	X		X

7	2.002516.000.00.00.H48	Xác nhận thông tin hộ tịch	X		X
8	1.001193.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh	X		X
9	2.000528.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		X
10	1.004884.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai sinh	X		X
11	2.000522.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	X		X
12	1.001022.000.00.00.H48	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	X		X
13	2.000779.000.00.00.H48	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	X		X
14	1.004772.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		X
15	1.000893.000.00.00.H48	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X		X
16	1.000656.000.00.00.H48	Đăng ký khai tử	X		X
17	1.001766.000.00.00.H48	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	X		X

18	1.005461.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai tử	X		X
19	2.000497.000.00.00.H48	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	X		X
20	1.004837.000.00.00.H48	Đăng ký giám hộ	X		X
21	1.001669.000.00.00.H48	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		X
22	1.004845.000.00.00.H48	Đăng ký chấm dứt giám hộ	X		X
23	2.000756.000.00.00.H48	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	X		X
24	3.000323.H48	Đăng ký giám sát việc giám hộ	X		X
25	3.000322.H48	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	X		X
26	1.004859.000.00.00.H48	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	X		X
27	2.000748.000.00.00.H48	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	X		X

28	2.002189.000.00.00.H48	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		X
29	2.000554.000.00.00.H48	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	X		X
30	2.000547.000.00.00.H48	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch	X		X
31	1.000110.H48	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		X
32	1.000080.H48	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		X
33	1.004827.H48	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	X		X
34	1.004873.000.00.00.H48	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X		X
35	1.000894.000.00.00.H48	Đăng ký kết hôn		X	X
36	1.000094.H48	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		X	X

37	2.000806.000.00.00.H48	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		X	X
38	1.004746.000.00.00.H48	Đăng ký lại kết hôn		X	X
39	2.000513.000.00.00.H48	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		X	X
III	LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ				
40	2.000424.H48	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở.	X		
IV	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC				
41	2.000908.000.00.00.H48	Cấp bản sao từ sổ gốc		X	
42	2.000815.000.00.00.H48	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		X	X